

Số: **01** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **27** tháng **3** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 304/TTr-SGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan về quản lý, kinh doanh và sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3. Quy định giá dịch vụ sử dụng đò trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)**

1. Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Khung giá dịch vụ đò ngang

| TT | Đối tượng thu                | Đơn vị tính    | Khung giá   |
|----|------------------------------|----------------|-------------|
| 1  | Hành khách                   | Đồng/lượt      | 3.000-5.000 |
| 2  | Xe đạp, xe đạp điện          | Đồng/lượt      | 1.000-3.000 |
| 3  | Xe máy                       | Đồng/lượt      | 3.000-5.000 |
| 4  | Hàng hóa từ 20kg - dưới 50kg | Đồng/lượt      | 2.000-4.000 |
| 5  | Hàng hóa từ 50kg trở lên     | Đồng/50kg/lượt | 4.000-6.000 |

b) Khung giá dịch vụ sử dụng đò dọc: Hành khách hoặc chủ hàng thỏa thuận với chủ đò hoặc bên khách về cước vận chuyển cho phù hợp với điều kiện tình hình cụ thể, nhưng khung giá từ 3.000-5.000đ/km/người và từ 3.000-5.000đ/km/50kg hàng hóa (áp dụng cho hàng hóa đến 50 kg, nếu trên 50 kg tính mức tiếp theo).

2. Tại bến được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ, xây dựng và quyết định mức giá nhưng tối đa không quá mức giá tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan**

1. Các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ sử dụng đò chịu trách nhiệm thực hiện:

a) Đảm bảo an toàn cho hành khách khi thực hiện cung cấp dịch vụ theo quy định.

b) Thực hiện niêm yết công khai mức giá dịch vụ tại bến thủy nội địa theo mức giá dịch vụ quy định nêu trên và thu đúng theo giá đã niêm yết.

2. UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm:

a) Căn cứ tình hình thực tế, mức giá kê khai dịch vụ của các tổ chức, cá nhân của từng bến thủy nội địa, từng địa phương để thông báo mức giá dịch vụ cụ thể, phù hợp, nhưng không vượt quá khung giá quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 của Quyết định này.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra để các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về niêm yết giá dịch vụ sử dụng đò.

3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về cung cấp dịch vụ đò, xử lý nghiêm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm; phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều chỉnh mức giá cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn; theo dõi, tổng hợp các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tham mưu trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2019.

**Điều 6.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6 (t/h);
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CVP, PCVP;
- Báo Bắc Kạn, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (L).#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ly Thái Hải**

